1. **Your last holiday**

1. *When did you go traveling?*

* Tôi đi du lịch khi tôi nghỉ hè vì lúc đó tôi rảnh.

→ I went traveling during summer vacation when I had lots of time (on my hand).

1. *How often do you travel?*

* Tôi đi du lịch mỗi năm một lần vì tôi chỉ rảnh vào mùa hè.

→ I travel once a year in the summer because I don't have much work to do at that time.

1. *How did you travel there? (này hiểu là bạn tới đó bằng cách nào ó)*

* Tôi đi bằng **tàu lửa??** vì nó tiện và còn an toàn nữa.

→ I traveled there by touring car because of its convenience and safety.

1. *Why did you go there?*

* Tôi đến đó vì nó đẹp và những con người ở đó rất thân thiện.

→ I went to Da Lat because it is beautiful and people here are friendly.

1. *When did you go on last holiday? (này là hỏi chuyến đi vừa rồi của bạn đi khi nào nên hok có sẽ nho)*

* ~~Tôi sẽ đi khi tôi rảnh bởi vì hiện giờ tôi còn phải đi học.~~

→ I went last summer because I didn't have to work or attend summer school.

1. *Whom did you go with? How long did you go?*

* Tôi đã đi với ba mẹ tôi vì tôi muốn có nhiều kỉ niệm với gia đình.
* Tôi đã đi khoảng 1 tuần vì không đủ chi phí để ở đó lâu.

→ I went with my parents because I wanted to make more memories with my family. I went for about 1 week because I couldn't afford to stay there for long.

1. *What means of transport did you go?* (câu này như kiểu là đi tham quan ở đó bằng rì)

→ In Da Lat, I traveled by taxi because partly we don't know the way and to avoid the sun.

1. *Where did you stay?*

* Tôi đã ở homestay vì nó rẻ/thoải mái/ gần trung tâm thành phố và phù hợp gia đình tôi.

→ I stayed at a homestay because it was cheap, comfortable, close to the city center, and suitable for my family.

1. *What was the weather like?*

* Thời tiết ở đây thì se lạnh, mát mẻ vì nơi tôi đến là **Đà Lạt?????.**

→ Da Lat is famous for its chilly, cool weather that makes people feel (extremely = very) comfortable.

1. *What did you do there during your last holiday?*

* Tôi đã đi chụp ảnh đi thưởng thức ẩm thực và vui chơi vì thời tiết ở đây rất thích hợp cho những việc đó.

→ I went to take photos to enjoy food and have fun because the weather here is very pleasant and suitable for those things.

1. *What was your favourite activity there?*

* Tôi thích nhất là ngồi uống cafe và nghe nhạc ở Mây Lang Thang vì nó rất thư giãn.

→ What I like most in Da Lat is drinking coffee and listening to music at May Lang Thang because it's very relaxing.

1. *Will you come there again in the future? Why?*

* Tất nhiên tôi sẽ quay trở lại vì nơi này tôi rất thích.

→ Of course, I will come back here again because I feel relaxed and recharged when I leave the busy city to immerse myself in the peaceful space here.

1. *Would you recommend that place to everyone? Why?*

* Tất nhiên là muốn rồi vì tôi muốn mọi người cùng đi với tôi ở một dịp nào đó.

→ Why not? Da Lat is a great tourist destination and it's nice that next time I can go with my friends.

1. *What did you dislike about the trip?*

* Tôi nghĩ là không vì chuyến đi đó là một chuyến đi tuyệt vời.

→ I think not because it was a great trip that /met my expectations = fulfilled my hopes/.

1. *Where in the world would you most like to go for your next vacation?*

* Nếu như có cơ hội tôi muốn đi Thụy Sĩ cho chuyến đi tiếp theo vì nó là một đất nước xinh đẹp.

**→** If there is a chance, I want to go to Switzerland for my next trip because it is a beautiful and poetic country.

1. **A famous person you know**

1. *Who is the famous person you admire?*

* Tôi rất ngưỡng mộ Ronaldo vì anh ấy rất ngầu.

→ I admire Ronaldo a lot because he is so cool.

1. *What is your idol's job?*

* Ronaldo là một cầu thủ bóng đá và là cầu thủ toàn diện nhất hiện nay.

→ Ronaldo is a football player and the most complete player this day.

1. *Why do you like this person?*

* Tôi thích Ronaldo là vì anh ấy có sự nỗ lực đáng ngưỡng mộ/ghi nhận.

→ I like Ronaldo because he has /an admirable = a remarkable/ effort.

1. *When and where was your idol born?*

* Ronaldo sinh năm 1985 ở tại Bồ Đào Nha.

→ Cristiano Ronaldo was born in 1985 in Portugal.

1. *When and where did your idol go to school?*

* Anh ấy tham gia học viện bóng đá trẻ sporting vào năm 14 tuổi.

→ He joined the sporting youth soccer academy when he was 14.

1. *Is she/he married? Who is his/her wife/ husband? How many children does*

*he/she have?*

* Anh ấy đã kết hôn và vợ anh ấy là Geogirna Rodriguez và anh ấy đã có 6 đứa con.

→ He is married to Georgina Rodriguez and he has 6 kids.

1. *Does your idol have a happy family?*

* Anh ấy có một gia đình hạnh phúc vì tôi thấy anh ấy luôn vui cười.

→ He has a happy family because I see him smiling all the time.

1. *What is your idol famous for?*

* Anh ấy nổi tiếng về bóng đá và là một cầu thủ hay nhất hiện nay.

→ He is famous /as = for being/ one of the best soccer players today with many awards.

1. *What did he/she do before being famous?*

* Ronaldo từng làm nhân viên dọn rác trước khi nổi tiếng vì nhà anh rất nghèo vào thời điểm đó.

→ Ronaldo used to work as a garbage collector before becoming famous because his family conditions were very difficult at the time.

1. *What are your idol's achievements?*

* Anh ấy đã có cho mình 5 quả bóng vàng nhờ vào sự nỗ lực của anh ấy.

→ His admirable achievement is the collection of 5 golden balls thanks to his own efforts.

1. *How has your idol influenced your life?*

* Anh ấy như một tấm gương cho tôi noi theo và nỗ lực từng ngày.

→ He is like an example for me to follow and strive for every day

1. *What can you learn from him/her?*

* Tôi học được từ anh ấy là không bao giờ bỏ cuộc.

→ I learned from him never to give up.

1. *Who is the most famous person in Vietnam right now?*

* Tôi nghĩ là Sơn Tùng vì anh ấy rất tài năng.

→ I think Son Tung because he is very talented.

1. *If you became famous, what would you do?*

* Nếu tôi trở nên nổi tiếng tôi sẽ dùng tiền mình kiếm ra đi làm từ thiện.

→ If I'm famous, I'll give my money to charity.

1. *What is the easiest way to become famous?*

* Tôi nghĩ không có cách nào dễ cả vì muốn nổi tiếng bạn phải nỗ lực hàng ngày.

→ I think there is no easy way because to be famous you have to work hard every day.

1. **Favorite gadgets**

1. *What gadgets do you like? Why?*

* Tôi thích dùng điện thoại thông mình vì nó nhỏ gọn, tiện lợi, và đáp ứng được các nhu cầu của toi.

→ I like using the smartphone because it's compact, convenient and adapts to my essentials.

1. *When did you get your gadget? (bạn coá cái tiện ích đó hồi nào?)*

* ~~Khi tôi cảm thấy stress nó sẽ giúp tôi giải trí.~~

→ This phone was a gift my parents gave me when /I graduated from college = I was on my 18th birthday/.

1. *How often do you use your gadget?*

* Tôi thường xuyên dùng điện thoại để tra cứu vì nó có rất nhiều thông tin.

→ I often use my phone to look up because it can find a lot of information.

1. *What does your gadget look like? What colour is it?*

* Điện thoại của tôi thì thiết kế mỏng nhẹ có viền cứng và nó có màu đen vì tôi thích màu đen.

→ My phone has a slim design with hard edges and it's black - my favorite color.

1. *How does your gadget work?*

* Điện thoại của tôi có thể gọi, nhắn tin, chơi game, nghe nhạc, …

→ My phone can be contacted through calling, texting; being entertained by playing games or listening to music, and doing lots of different other things.

1. *How does your gadget help you?*

* Nó giúp tôi rất nhiều trong việc học vì nó có thể tìm kiếm, lưu trữ các thông tin cần thiết và quan trọng.

→ It helps me a lot in my studies because it can search and store necessary and important information.

1. *Why is your gadget important to you?*

* Nó rất quan trọng với tôi vì nó giúp tôi kết nối với gia đình khi tôi đi học xa.

→ It is very important to me because it is a tool that helps me /connect = stay connected/ with my family while studying away from home.

1. *Do you think we need to know much about your gadget? Why?*

* Tôi nghĩ các bạn cũng cần biết vì để bắt kịp thời đại và giúp ích cho công việc của các bạn.

→ I think you also need to know about this gadget to be able to keep up with the times and help with your work.

1. *What is the most impactful piece of technology in our lives?*

* Tôi nghĩ Internet đã thay đổi cách mọi người nhận thông tin, đọc, làm việc, mua sắm và vui chơi — thay đổi cuộc sống hàng ngày mà trước đây chưa từng có công nghệ nào xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta.

→ I think the Internet has changed the way people get information, read, work, shop, and play — transforming everyday life as no other piece of technology in our lives occurred has come before.

1. *How does technology affect our everyday life?*

* Công nghệ ảnh hưởng đến hầu hết mọi khía cạnh của cuộc sống thế kỷ 21, từ giao thông vận tải đến khả năng tiếp cận thực phẩm an toàn, chăm sóc sức khỏe và giáo dục số.

→ Technology affects almost every aspect of 21st-century life, from transportation to access to safe food and healthcare, and digital education.

1. *What are the advantages of the internet?*

* Nó giúp chúng ta cập nhật tin tức hàng ngày và tra cứu những thông tin.

→ It helps us to update the news daily and look up the necessary information.

1. *What are the advantages of learning online?*

* Tôi nghĩ là học online giúp sinh viên nâng cao kĩ năng tự học, giảm tắc đường vào giờ cao điểm để tiết kiệm thời gian, và sinh viên có thể học ở bất cứ đâu miễn là có kết nối internet.

→ I think that learning online helps students improve their self-study skills, reduces traffic jams during peak hours so that students can save more time, and students can study anywhere where there is an internet connection.

1. *What kind of social networking website do you use?*

* Tôi thường dùng Google vì nó có mọi thông tin tôi cần.

→ I /usually = often/ use Google because almost any useful information is there.

1. *What would you do on a day of no technology and gadget?*

* Tôi sẽ về quê nuôi cá, trồng rau hoà mình vào thiên nhiên.

→ I will go back to my hometown to raise fish and grow vegetables to immerse myself in nature.

1. **Past habits**

1. *What were your past habits?*

* Đó là tôi ngủ rất trễ vào buổi tối vì chơi game.

→ That is, I sleep very late at night because of gaming.

1. *When did you start those habits?*

* Tôi bắt đầu thói quen này khi tôi học đại học vì không ai quản lý.

→ I started this habit when I was in college because no one cared anymore.

1. *Where did you do your past habits?*

* Tôi đã thức khuya ở kí túc xá vì mọi người quá ồn nên tôi không ngủ được.

→ I've been staying up late since staying in the dorm because everyone was so noisy that I couldn't sleep.

1. *What sports did you play?*

* Tôi đã chơi đá bóng vì tôi rất thích nó và nó làm tôi thoải mái.

→ I played football because I loved it and it made me comfortable.

1. *What food did you use to eat? Did you like vegetables when you were a child?*

* Tôi chỉ ăn cơm với thịt vì nó rất ngon. Và lúc nhỏ tôi không thích ăn rau vì nó rất dở làm tôi phát ngán.

→ I only ate rice with meat because it was so delicious. And when I was a child, I wouldn't say I liked to eat vegetables because they tasted terrible.

1. *What games did you use to play when you were a child?*

* Tôi đã chơi bắn bi khi còn nhỏ cùng với bọn trẻ trong xóm vì nó rất vui.

→ When I was little, I played marbles with the kids in the neighborhood because it was so much fun.

1. *What hairstyle did you use to have?*

* Tôi đã từng để đầu đinh vì nó mát mẻ mà lại gọn gàng.

→ I used to have my hair /spiky = crew cut/ because it was not only cool but also neat.

1. *What clothes did you use to have?*

* Tôi từng có những bộ đồ siêu nhân đủ màu sắc vì nó làm tôi trông ngầu hơn.

→ I used to have colorful superhero suits because they made me look cooler.

1. *Where did you use to go on holiday?*

* Tôi đã về quê để nghỉ hè vì ở quê rất yên bình, thư giãn.

→ I went back to my hometown for summer vacation because it was very peaceful and relaxing in the countryside.

1. *What did you use to do at the weekends?*

* Tôi đã đi về quê vào cuối tuần để thăm ông bà và nghỉ ngơi sau mỗi tuần học tập căng thẳng.

→ On the weekends, I went to my hometown to visit my grandparents and rest after a stressful week of studying.

1. *How many times a week did you spend on your habits?*

* Hầu như đêm nào trong tuần tôi cũng thức khuya và dùng khoảng 4 tiếng cho việc đó.

→ Almost every night of the week I stay up late and I only spend about 4 hours sleeping.

1. *Were your habits useful?*

* Tôi chắc chắn là không vì nó đang làm sức khoẻ tôi suy giảm.

→ Of course not because it reduces my health.

1. *Why did you have such habits?*

* Tại vì khi ở kí túc xá rất ồn nên tôi không ngủ được lâu dần nó thành thói quen.

→ Because everyone in the dorm was so noisy that I couldn't sleep, and over time it became my habit.

1. *What should parents do to teach their children good habits?*

* Tôi nghĩ cha mẹ không nên kiểm soát mà chỉ nên quan tâm, quản lý con cái của học một cách phù hợp và cũng không quên dạy cho con cái tính tự giác thực hiện những công việc trong khả năng của chúng.

**→** I think parents should not be too controlling and only care, manage their children appropriately, and not forget to teach their children self-discipline to perform tasks within their capabilities.

1. **Weather in your town**

1. *What topic do you talk with your friends about?*

* Tôi thường nói về thời tiết, nhất là thời tiết trong thành phố để chuẩn bị cho các hoạt động trong ngày.

→ I often talk to my friends about the weather in our town to prepare for daily activities.

1. *What is the weather like today?*

* Thời tiết hôm này đã vào mùa hè nên rất nóng nó làm tôi rất khó chịu.

→ It was summer so it was very hot which made me uncomfortable.

1. *What is the weather like in your hometown?*

* Ở quê tôi thì thời tiết ôn hoà trời mát mẻ phù hợp cho các công việc ngoài trời.

→ In my hometown, the weather is mild and cool, suitable for those who have outdoor work.

1. *What's your favorite kind of weather?*

* Tôi thích thời tiết lạnh vì nó rất thoải mái dễ chịu tôi có thể mặc những chiếc áo ấm đẹp.

→ I like the cold weather the most because it is very comfortable and I can wear nice warm coats.

1. *Do you like the weather in your hometown?*

* Tại vì thời tiết ở quê tôi rất ôn hoà cộng với sự yên bình nên tôi rất thích.

→ Yes, I really like the weather in my hometown because it is mild and peaceful.

1. *What season do you like best?*

* Tôi thích mùa đông vì nó mát mẻ dễ chịu không nóng bức như mùa hè.

→ I love winter because of its cooling weather /unlike = not similar to/ /torrid = roasting/ summer.

1. *Should we read or watch the weather forecast on TV?*

* Tất nhiên là nên để chúng ta có sự chuẩn bị sắp xếp công việc phù hợp.

→ Of course yes. We should do that to prepare for work thoughtfully and suitably.

1. *Do you do different things in different weather?*

* Có chứ tôi thường đi tắm biển vào những ngày nắng nóng còn trời lạnh thì tôi đi uống cafe đọc sách.

→ Yeah I surely do. I mean I usually swimming during summer time while on cold days I have some coffee and read books.

1. *Would you prefer to live in a place that has the same weather all year round, or a place that has four seasons?*

* Tôi muốn ở nơi có đủ bốn mùa để tôi có thể trải nghiệm và làm các hoạt động khác nhau theo từng mùa.

→ For me, it's boring if we only have one season in a year, so I prefer living in a place that are four seasons to experience and has several different activities with each season.

1. *What do you like to do when it's hot?*

* Tôi thích tắm biển khi trời nóng vì nó mát mẻ mà còn lại thư giãn tốt cho sức khỏe.

→ I am keen on swimming when it's hot because it is not only cool but also relaxing and healthy.

1. *Does the weather affect people's lives in Vietnam?*

* Có chứ thời tiết ở Việt Nam hầu như là nắng nhiều nên da của người Việt thường vàng và đen hơn người Tây (?)

→